

ĐÔI NÉT VỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI THÁI Ở THANH HÓA

NGUYỄN THU TRANG

Người Thái ở tỉnh Thanh Hoá là một bộ phận của cộng đồng người Thái ở Việt Nam và Đông Dương, nhưng có nhiều đặc điểm riêng về lịch sử, địa lý và các mối quan hệ tộc người mà lại nằm cách xa trung tâm Tây Bắc. Bởi vậy, người Thái ở Thanh Hoá là một nhóm địa phương thông qua một số biểu hiện trong văn hóa, cần được tìm hiểu để làm rõ về sắc thái địa phương. Bài viết này tập trung đề cập một số phương diện trong văn hóa truyền thống của người Thái ở Thanh Hóa theo hướng so sánh giữa hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc, nhằm góp phần tìm hiểu và khám phá thêm những nét riêng trong văn hóa Thái ở Thanh Hóa.

Khái niệm văn hóa được sử dụng theo những góc độ tiếp cận khác nhau, do vậy mà có nhiều định nghĩa về văn hóa. Trong phạm trù gắn với các tộc người hay còn gọi là văn hóa tộc người, văn hóa được hiểu là những giá trị vật chất và tinh thần do tộc người sáng tạo nên. Nếu phân chia, các giá trị văn hóa ấy có các lĩnh vực như: văn hóa sản xuất, tức hoạt động kinh tế truyền thống; văn hoá đảm bảo đời sống như ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại; văn hóa ứng xử bao gồm phong tục tập quán, nghi lễ, các quan hệ ứng xử trong gia đình và cộng đồng; văn hóa nhận thức gồm tri thức dân gian, văn học dân gian... Phạm vi văn hóa rất rộng lớn, nên nội dung trình bày dưới đây chỉ xin điểm

qua một vài thành tố văn hóa truyền thống của người Thái ở Thanh Hóa trong so sánh với người Thái ở vùng trung tâm Tây Bắc.

1. Sinh tế

Qua nhiều tài liệu đã công bố, dân tộc Thái ở Việt Nam và Đông Dương, từ nửa thế kỷ thứ XX trở về trước, đều có chung những điểm cơ bản về cách thức làm ăn, sinh sống. Đó là những cư dân nông nghiệp, lấy canh tác lúa nước làm nghề sống chính, kết hợp với trồng lúa cạn và hoa màu, chăn nuôi gia súc gia cầm, tận dụng các điều kiện tự nhiên để khai thác thực phẩm như săn bắn, hái lượm, đánh bắt thủy sản... Do vậy, người Thái ở Tây Bắc và Thanh Hoá đều có nhiều điểm giống nhau trong cách thức làm ăn. Trước khi xây dựng hợp tác xã nông nghiệp (1959 - 1960), phương thức sản xuất chủ yếu của người Thái ở cả hai địa bàn này đều là nông nghiệp tự túc. Ngành nghề chính là trồng lúa nước kết hợp với làm nương rẫy và chăn nuôi, khai thác các nguồn lợi tự nhiên. Sản phẩm dư thừa thường biếu cho nhau, đem trao đổi lấy những thứ mà họ không thể tự sản xuất. Bởi vậy, của cải trong gia đình có ý nghĩa tài sản thường là đồ đồng, đồ gốm (sanh niêng, công chiêng, chum chĩnh), trâu, bò, vải vóc, chăn đệm, đồ trang sức bằng vàng bạc, dụng cụ săn bắn, đánh cá (khẩu súng, chân chài). Người Thái thường ví người giàu với hình ảnh “năm sấp đếm

trâu, nằm ngửa đếm sanh, đếm niếng” hay “trong gùi xếp nhiều vải hoa, cột nhà treo chài treo súng”...

Đối với vùng Tây Bắc, đến nay đã có khá nhiều bài viết về người Thái. Trong đó, đáng chú ý là công trình nghiên cứu tổng hợp “*Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*” của nhà dân tộc học Chăm Trọng, với nội dung khái quát đầy đủ và sâu sắc về mọi mặt đời sống tinh thần, vật chất của người Thái ở Tây Bắc.

Nếu so sánh với Tây Bắc, điều kiện tự nhiên, xã hội của người Thái ở Thanh Hoá có những điểm tương đồng. Nhìn trên bản đồ địa hình có thể thấy, tỉnh Thanh Hoá gần giống như Bắc Bộ thu nhỏ, có đủ các vùng miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển. Trong đó, núi cao đồ sộ ở phía Tây, núi đá chắn ngang phía Bắc và phía Nam, địa hình chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Người Thái sinh sống ở vùng núi cao, tiếp đến là người Mường ở vùng núi thấp và trung du, người Kinh ở đồng bằng, ven biển. Còn người Thái ở Tây Bắc sinh sống ở vùng lưu vực sông Hồng, có sông Đà là chi nhánh quan trọng. Người Thái Thanh Hoá thì sinh sống ở vùng lưu vực sông Mã, có chi nhánh sông Chu.

Tuy nhiên, giữa hai vùng sinh thái cư trú của người Thái ở Thanh Hóa và Tây Bắc cũng có những điểm khác biệt nhau. Trong đó, Tây Bắc nằm ở độ cao và rộng lớn hơn, núi cao nhưng thung lũng khá rộng và bằng phẳng hơn. Đặc biệt, Tây Bắc có dãy Hoàng Liên Sơn đồ sộ, cao nhất Việt Nam, ngăn cách gió Đông và Tây, tạo ra hai vùng vi khí hậu. Phía Tây Hoàng Liên Sơn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam nhiều hơn, nên độ ẩm khá thấp và ít gió bão hơn. Còn Thanh Hoá thì chịu ảnh hưởng mạnh bởi gió mùa Đông Nam, tạo ra độ ẩm cao, bão nhiều. Bởi vậy, miền núi phía Tây Thanh Hoá mang

đậm sắc thái khí hậu nhiệt đới gió mùa, gắn với hệ động thực vật Trường Sơn.

Chính những đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn và các môi giao lưu kinh tế đã tạo ra một vài điểm khác nhau về giống cây trồng, con vật nuôi, về phương pháp và kỹ thuật sản xuất, tổ chức đời sống của người Thái ở hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc. Có thể lấy ví dụ về tập quán gieo trồng xen trong nương rẫy như dưới đây:

Nương rẫy của người Thái Thanh Hoá thường xen canh, đa dạng nhiều loại cây trồng, tức vừa trồng cây lương thực, vừa trồng rau, củ, quả... Điều này đã được thể hiện trong dân ca của người Thái ở nơi đây. Chẳng hạn, trong bài hát *Nhọng háy* (Khen rẫy) của họ có một đoạn đã miêu tả các thứ cây được trồng trên rẫy như:

“...*Sườn dưới, em trồng lúa dang,
Sườn ngang, trồng lúa mong cây thấp
Lúa nếp cảm, trồng ở sau chòi
Nơi nào bằng thì trồng lúa xé
Lúa chánh Nghệ trồng cửa ra vào
Lúa nếp quạ trồng nơi cửa rẫy
Góc cây lớn trồng đỗ lo ngo
Góc cây to trồng quả mướp ngọt
Nơi nào xấu trồng cây đu đủ
Đỗ tời với cây cà chín sớm
Dây mướp thơm leo lên muren mướp
Dây mướp đắng len lõi bụi cây
Quả ớt trồng lấy vị cay
Dây dưa gang nhà em quán quýt
Dây dưa sọc nhà em cũng nhiều
Dưa hấu ngổn ngang như đá...
Rẫy nhà em có nhiều thứ quá
Chỉ thiếu người đến ngắm cùng em...¹*

¹ Tư liệu được sưu tầm bởi Hà Nam Ninh, người Thái ở huyện Bá Thước cung cấp.

Mặt khác, cho đến nay vẫn chưa có người giải thích thoả đáng về nguồn gốc danh từ chung gọi đơn vị quần cư của người Thái là bản, nhưng từ “buôn” chắc chắn cùng nghĩa với từ “bón” trong tiếng Thái. Theo tiếng Thái, “bón” có nghĩa là rẫy hay khu rẫy. “Bón”, “bán” (bản) là hai từ láy, trong đó người Thái đã dùng từ “bón” (buôn) để đặt tên cho cụm dân cư quần tụ bởi làm nương rẫy là “bón” (buôn) và cụm dân cư quần tụ xung quanh ruộng là “bán” (bản). Ở bản chủ yếu là người Thái, còn ở buôn chủ yếu là Xá - tức các tộc người khác, sinh sống bằng canh tác nương rẫy.

Về chăn nuôi gia súc, người Thái Tây Bắc tận dụng các bãi cỏ rộng, tương đối bằng phẳng, nên ngoài trâu và bò, còn nuôi thêm nhiều ngựa và dê. Còn người Thái ở Thanh Hoá lại tận dụng những thung lũng nhỏ hẹp trong các khe núi có nguồn nước để chăn thả theo hình thức thả rộng là chính, nên gia súc nơi đây chủ yếu là trâu, vì trâu chịu được mưa gió, muỗi vắt và tự vệ được trước sự tấn công của nhiều con thú dữ.

2. Tổ chức xã hội và đặc điểm nhà ở, trang phục

2.1. Tổ chức xã hội

Về tổ chức xã hội truyền thống, trước năm 1945, người Thái ở cả hai vùng Thanh Hoá và Tây Bắc đều duy trì chế độ xã hội mừng bản song song tồn tại cùng bộ máy chính quyền châu, tổng, xã do nhà nước phong kiến trung ương tập quyền áp đặt một cách lỏng lẻo. Dưới thời kỳ thuộc Pháp, nước ta bị chia làm ba kỳ: Bắc kỳ là xứ thuộc địa, Nam kỳ - xứ bảo hộ, Trung kỳ - xứ tự trị. Tây Bắc thuộc Bắc kỳ nên mức độ can thiệp trực tiếp của thực dân Pháp sâu sắc hơn, trong khi Thanh Hoá thuộc Trung kỳ và được nói lỏng một phần cho nhà Nguyễn

quản lý. Vì thế, các hình thức hoạt động xã hội bản mừng của người Thái ở Thanh Hoá ít bị xáo trộn hơn so với Tây Bắc. Mặt khác, các mối quan hệ tộc người ở Tây Bắc ít bị ảnh hưởng từ bên ngoài, còn Thanh Hoá do là ngã tư giao lưu nên người Thái nơi đây chịu ảnh hưởng qua lại với các tộc người Mường, Kinh, Lào và cả người Chăm (trong quá khứ). Do vậy, các hình thức hoạt động xã hội, phong tục tập quán, luật mừng, lệ bản của người Thái ở hai vùng Thanh Hoá và Tây Bắc không hoàn toàn giống nhau.

Theo sự phân tích của nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh và Cẩm Trọng trong tác phẩm “*Luật tục Thái ở Việt Nam*”, bản mừng truyền thống của người Thái ở Tây Bắc được chia làm bốn cấp, kể từ dưới lên gồm: bản, mừng *xông* (hay còn gọi là *lộng - quen*), mừng *phìa*, trong mừng *phìa* còn chia thành mừng trong mừng, và mừng ngoài mừng. Còn ở Thanh Hoá, bản mừng truyền thống được chia làm ba cấp: bản, poọng và mừng (hoặc mừng nhỏ nằm trong mừng lớn). Ví dụ như mừng Ký có ba poọng là poọng Tố, poọng Nưa và poọng Bo; mừng Khoòng có poọng Bó, poọng Lặn... Trước năm 1945, ở Thanh Hoá có 26 mừng gồm, trong đó châu Quan Hoá 12 mừng là: Lát, Lý, Khăng, Khiết, Ánh, Le, Ca Da, Tuồng, Xía, Mìn, Mo, Chự; châu Tân Hoá có 3 mừng: Khoòng, Lau và Ký; châu Lang Chánh gồm 4 mừng như: Đôn - Ngày, Đeng, Hương, Chánh; châu Như Xuân có 2 mừng là: Lự và Pàn; châu Thường Xuân có 5 mừng: Mót, Din, Khao, Luộc và Phụ. Riêng mừng Luộc ở Thường Xuân được tổ chức theo kiểu Tây Bắc, nghĩa là có Chiềng Vạn là mừng trong mừng - trung tâm của mừng Luộc (Chiềng Vạn là mừng có người Tày Dọ tập trung cư trú đông nhất ở

Thanh Hóa). Nếu kể tên tất cả các mừng nhỏ nằm trong mừng lớn thì trước năm 1945, ở Thanh Hoá có 40 mừng của người Thái.

Ở Thanh Hóa trước đây, đứng đầu mừng, poọng và bản là *Tạo mừng, Tạo poọng*. *Tạo* bản đều thuộc dòng dõi tù trưởng, quý tộc địa phương theo hình thức cha truyền con nối. Các mừng người Thái thời đó thực hiện cai quản xã hội bằng luật, lệ. Tuy nhiên, tại Thanh Hoá hiện nay, các văn bản luật lệ đã bị thất lạc. Luật lệ được quán triệt dưới hình thức hội nghị bô lão trong mừng và poọng, tổ chức mỗi năm một lần, trong đó người được phân công là *Mụ mừng* phải đọc hoặc nhắc lại luật lệ và chủ trì kiểm điểm việc thực hiện cũng như xử lý các hành vi vi phạm. Do vậy, luật lệ đã trở thành tập quán (*hít khoong*) của người Thái. Tại Thanh Hóa, mừng có luật lệ chặt chẽ nhất là mừng Khoòng, tiếng Thái gọi là *muong Khoong*. *Khoong* có nghĩa là *hít khoong*, tức luật lệ. Với người Thái, *hít khoong* chi phối nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, nhất là các hoạt động văn hoá. Khác với người Thái ở Thanh Hóa, ở Tây Bắc, cai quản mừng *phìa* của người Thái còn có chức cao hơn, gọi là *Án nha*. Dưới chế độ thực dân phong kiến thời kỳ thuộc Pháp, phần lớn *tạo, phìa, án nha* được kiêm luôn các chức dịch trong chính quyền như tri châu, chánh tổng, lý trưởng...

2.2. Đặc điểm nhà ở và trang phục

- Nhà ở

Ngôi nhà truyền thống của người Thái ở Thanh Hóa cũng như Tây Bắc là nhà sàn, có bốn mái chắp lại, không làm đầu hồi phẳng. Lý do chủ yếu là nhằm tăng sức chống đỡ mưa gió từ bốn phía, vì công cụ làm nhà trước đây chủ yếu là dao, rìu và dây nèo, ít sử dụng cưa và đục. Điểm khác biệt ở

chỗ, mái nhà của người Thái Đen Tây Bắc có dạng khum khum hình mai rùa, còn mái nhà người Thái Thanh Hóa được bê góc vuông tại nơi tiếp nối giữa mái dài và mái hồi. Hai đầu hồi nhà của người Thái Đen có đặt biểu tượng hình *khau cút*, trong khi người ở Thái Thanh Hóa không có tập quán này. Một số ngôi nhà của những người quyền quý ở các mừng Ký, Ca Da, Chự, Khoòng... thuộc Thanh Hóa lại đặt biểu tượng đầu cọp (*xoong meo*), vòi voi (*nguong chạng*) lên đầu hồi. Ngoài ra, còn loại *khau cút* được người Thái Thanh Hóa tạc hình hoặc vẽ biểu tượng vào cái chốt kèo, gọi là *cút keo*, thậm chí đan hoa văn *khau cút* trên nền túi phụ nữ hay đeo đi làm. Đây có thể là một gợi ý về *khau cút* - một biểu tượng chung của cả người Thái ở hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc, nhưng người Thái Thanh Hóa sử dụng có vẻ kín đáo hơn (?).

Do điều kiện đất thung lũng chật hẹp, sườn núi cao và dốc, đường sá đi lại khó khăn, muông thú thường xuyên phá hoại, lại thuộc vùng có độ ẩm cao, bão nhiều... nên nhà ở của người Thái Thanh Hoá phải chọn cột gỗ lõi, chôn sâu và chắc chắn, đặc biệt là xà ngang chặn lên xà dọc, gác nhiều lú lên xà ngang để chống chọi với gió bão. Do điều kiện khí hậu nóng ẩm, mọi thứ sinh hoạt của gia đình và kể cả tập thể cộng đồng đều diễn ra trên nhà sàn, bởi vậy, ngôi nhà sàn của người Thái ở Thanh Hoá thường làm to, rộng và chắc chắn. Trước đây, ở các mừng đều có những nhà rộng chứa được hàng trăm người. Các mừng lớn như mừng Lau, mừng Khoòng, Ca Da... có không ít nhà sàn rộng tới 7 gian và 9 gian. Nhà sàn còn là nơi con gái trong bản tập trung quay sa, kéo sợi, con trai thổi khèn, hát *khấp*. Đây cũng có thể là lý do mà người Thái ở Thanh Hoá ít có hạn *khuống* như ở Tây Bắc.

- Trang phục

Quần áo của đàn ông Thái ở hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc, về cơ bản giống nhau. Quần đều bằng vải thô, ống rộng, cạp dài rút. Còn áo đều có hai loại, dạng xẻ ngực hoặc vắt chéo dưới nách, cài khuy bằng nút vải. Chỉ khác biệt ở chỗ, người Thái Đen ở Tây Bắc nhuộm áo màu đen, còn người Thái Thanh Hoá thường nhuộm các màu nâu non, đen nhạt hoặc xanh lơ. Đàn ông đứng tuổi, nhất là những người có chức sắc như thầy mo, thầy cúng thì để tóc dài, búi trên đầu, cài trâm ngà hoặc xương động vật. Đàn ông trung niên ở Tây Bắc có thói quen đội mũ nôi, trong khi ở Thanh Hoá họ lại thắt khăn trên đầu sao cho nút thắt đặt phía trên trán, cũng có lúc đầu khăn được vắt quanh đầu dạng hình tròn.

Tuy nhiên, áo của phụ nữ Thái ở hai vùng trên lại có nhiều điểm khác biệt. Phụ nữ Thái ở Thanh Hoá mặc áo *cóm* dạng chui đầu, thân ngắn ngang lưng, xẻ một bên vai, chỉ có một khuy hoặc buộc dây vải, nền vải của áo có thể màu đen, xanh chàm hoặc nâu nhạt, nhưng kỵ màu trắng. Phụ nữ Thái Đen ở Tây Bắc mặc áo xẻ ngực, có hàng khuy bướm bằng vải hoặc bằng bạc trắng, nền vải áo màu đen.

Về váy, có điểm tương đồng ở chỗ, phụ nữ Thái ở cả hai nơi đều mặc loại váy thân dài đến sát gót chân. Váy của phụ nữ Thái Đen và Thái Trắng ở Tây Bắc chỉ có chân và đầu váy, đầu váy ngắn, quần ngang lưng. Trong khi, váy của phụ nữ Thái ở Thanh Hoá có thêm phần cạp váy, còn đầu váy thì cao ngang nách, ôm lấy bộ ngực. Nền váy của phụ nữ Thái Đen ở Tây Bắc chỉ có một màu đen duy nhất, không có hoa văn. Còn váy của giới nữ người Thái Thanh Hoá lại phong phú về màu sắc, hoa văn.

Thắt lưng của phụ nữ Thái cả hai vùng đều làm bằng chất liệu tơ tằm hoặc vải tự dệt, được trang điểm bằng chùm dây xà tích bạc trắng, đeo quả đào. Tuy nhiên, nếu so sánh, đuôi thắt lưng của người Thái Thanh Hoá để dạng vuông và dài hơn.

Phụ nữ Thái cả hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc, khi đến tuổi trưởng thành đều búi tóc, cài trâm. Phụ nữ Thái ở Thanh Hoá chỉ búi tóc về sau gáy, còn phụ nữ Thái Đen ở Tây Bắc khi đã có chồng thì búi ngược lên đỉnh đầu gọi là *tăng cẩu*. Bên cạnh đó, phụ nữ Thái ở Tây Bắc đội khăn *piêu*, trong khi phụ nữ Thái ở Thanh Hoá thì thắt khăn vải và đội khăn thêu dạng gần giống như khăn *piêu* nhưng ngắn hơn.

Những quy định về cách trang phục như trên, hiện nay không còn ràng buộc nhiều đối với người Thái ở cả hai vùng Tây Bắc và Thanh Hóa, song, vẫn còn giữ lại những nét cơ bản và được bổ sung cải tiến theo xu hướng hoà nhập với hiện đại.

3. Tục cưới và tang ma

3.1. Tục cưới

Phong tục cưới xin ở mỗi dân tộc đều thể hiện những nghi thức tập quán nhằm gắn bó, ràng buộc mối quan hệ hôn nhân giữa hai người và hai gia đình, đồng thời là dịp sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Trong cưới xin của người Thái nói chung, những lời đối thoại vẫn về giữa hai họ, nhất là diễn cảnh *khặp* các bài hát *Xin mở cổng mừng, Xin của hỏi môn, Cảm ơn lòng tốt của thông gia, Tiễn dặn người yêu đi lấy chồng...* đều thể hiện một hình thức sinh hoạt văn nghệ hấp dẫn. Tuy nhiên, tập quán cưới xin của người Thái ở Tây Bắc và người Thái Thanh Hoá cũng có một số điểm không hoàn toàn tương đồng.

Hình thức cưới xin của người Thái tại các tỉnh Yên Bái, Điện Biên... thuộc Tây Bắc thường là ở rể, còn người Thái ở Thanh Hóa chủ yếu đón dâu. Trước đây cũng như hiện nay, người Thái Thanh Hoá không có tục ở rể quán. Nếu có ở rể cũng chỉ một tỷ lệ nhỏ, thường trong trường hợp nhà gái không có con trai, không hạn định thời gian chú rể phải ở bên nhà bố mẹ vợ mà tùy cơ ứng biến. Còn người Thái ở Tây Bắc, việc ở rể trong thời gian đầu của cuộc hôn nhân là điều bắt buộc. Sau một vài năm, ít nhất là vài tháng đôi vợ chồng trẻ mới được đón về bên nhà bố mẹ chồng.

Ngoài ra, người Thái ở Thanh Hoá còn có hình thức “cưới vợ chạy theo”. Trường hợp đôi trẻ thực sự yêu nhau, tình nguyện xây dựng gia đình nhưng bố mẹ người con gái ngăn cản, hoặc gia đình người con trai nghèo, không có điều kiện sắm sửa lễ vật ăn hỏi công khai thì người con trai sẽ bí mật “lấy trộm vợ”. Việc “lấy trộm vợ” được thực hiện vào ban đêm. Khi mọi người nhà gái đã đi ngủ, nhận được tín hiệu chọc sắn, cô con gái bỏ một đồng tiền hoặc đôi trâm đeo tay vào chỗ đồ xôi hay cối giã gạo để sáng hôm sau người nhà nhận biết, rồi đi theo người yêu và một vài người đi cùng, bí mật đi đón về nhà chồng. Về tới nhà, người nhà trai bố trí một mâm xôi gà cúng tổ tiên và cầu xin *Then luông se* duyên cho đôi trẻ. Sau đó, dưới sự hướng dẫn của một thầy cúng, hai vợ chồng mới ngồi đối diện bên mâm cơm, ăn chung một cái đùi gà, chia nhau một nắm xôi cùng ăn, rồi uống chung một lượt rượu cần chỉ có hai cái cần cắm chéo nhau và được buộc tua sợi chỉ, với ý nguyện thương yêu nhau đến tóc bạc dài râu. Khi làm xong thủ tục này, đôi trẻ được cộng đồng coi như vợ chồng chính thức, không người nào có quyền chia tách. Nếu bố mẹ cô gái không tán thành cũng đành phải chấp nhận bởi sự quy định của tập quán. Trong xã hội phong kiến

trước đây, hình thức “cưới vợ chạy theo” này đã mở lối thoát cho người nghèo, ủng hộ hôn nhân tự do.

3.2. Tang ma

Giống như người Thái ở Tây Bắc, người Thái Thanh Hoá quan niệm rằng, khi chết là con người thay đổi kiếp sống, hết thời hạn ở trần gian, phải trở về trời, do đó thân xác sẽ mất đi, chỉ còn linh hồn tồn tại mãi mãi. Tuy nhiên, sau khi con người chết, linh hồn vẫn phải trải qua bước xem xét phân biệt đối xử. Lúc còn sống, người nào ăn ở đức độ, biết làm nhiều việc tốt thì khi chết hồn sẽ được nhập với tổ tiên và sống cuộc sống hạnh phúc “củi không phải chặt, gạo không phải giã, nước không phải vác”. Còn những người có tội lúc sống ở trần gian, nhất là hay làm nhiều điều thất đức... khi chết linh hồn phải chịu cực hình, giam nhốt, bị tra tấn, lao động khổ sai. Nhưng nếu đã chết mà không có người làm ma đưa linh hồn lên trời thì hồn đó sẽ biến thành loại ma lang thang giữa trần gian, chuyên đi ăn xin và quấy phá cuộc sống con người, nên bị người ta nguyện rửa. Do vậy, khi người đã thành niên, tức từ 13 tuổi trở lên bị chết, người nhà phải tổ chức tang ma. Trong các nghi thức, thủ tục tang ma của người Thái ở Thanh Hóa và Tây Bắc có một số điểm không giống nhau, như sau:

- Về vai trò chủ trì và điều hành trong đám tang, người Thái Thanh Hóa luôn coi trọng và đặt trách nhiệm cho con trai, con dâu và ông thầy mo. Trong đó, thầy mo đóng vai trò chủ yếu đối với việc kể về thân thế và dẫn dắt linh hồn người chết lên trời, con trai phải chịu trách nhiệm tất cả các công việc chính và chi phí chủ yếu. Suốt thời gian quan tài nằm ở trên nhà, các con trai đều phải mặc quần áo tang và quỳ bên cạnh quan tài theo thứ tự anh trước, em sau, từ trên xuống dưới, còn con dâu đứng cạnh quan tài để quạt. Khi an táng xong,

con trai chịu trách nhiệm sắm cột nhà mồ và đá chôn ở phía đầu, con rể chỉ lo phần ở phía chân. Còn người Thái ở Tây Bắc lại có tập quán coi trọng con rể, đặc biệt là rể đầu phải đóng vai trò chính trong đám ma, đảm nhiệm thực hiện nhiều thủ tục, nghi thức.

- Thủ tục tiến hành các bước khâm liệm người chết của người Thái ở hai vùng được tiến hành giống nhau. Riêng người Thái ở Thanh Hoá, hầu hết đều đặt quan tài theo hướng xà dọc của nhà. Tuy nhiên, tục chôn cất của họ có khác biệt nhau, cụ thể là người Thái Đen ở Tây Bắc có tục hoả táng. Còn người Thái ở Thanh Hoá nhìn chung lại không hoả táng mà đổ lên trên mộ một lớp than đen đốt từ thân tre, xung quanh chôn các cột đá đánh dấu nơi mộ và không có tục cải táng. Chỉ nhóm Tày Dọ ở Mường Chiềng Vạn, huyện Thường Xuân có tục hoả táng giống như nhóm Thái Đen ở Tây Bắc.

- Con đường đưa linh hồn lên trời của người Thái ở Thanh Hóa và Tây Bắc không hoàn toàn giống nhau. Người Thái Đen ở Tây Bắc đưa hồn xuống mường Lò quê cũ, theo đường ngược lại con đường chinh chiến của đoàn quân Lạng Chượng được miêu tả trong sử thi “*Quám Tố Mương*”, rồi đi lên trời. Còn người Thái ở Thanh Hoá có nhiều con đường để hồn người chết lên trời tùy theo từng dòng họ, nhưng tất cả đều có một đoạn đi xuôi theo các dòng sông ra đến biển cả mênh mông, rồi mới lên trời. Ví dụ như họ Hà mường Khoòng, đưa linh hồn lên mường Mùn quê cũ, rồi xuôi theo sông Đà xuống sông Hồng. Họ Phạm ở mường Ca Da thì đưa linh hồn lên Lào, rồi xuôi theo sông Nậm Khóng, về Luông Pha Bang, dừng lại một chặng, rồi đi tiếp đến Viêng Chăn, xuôi thác Xà La, ra biển cả, sau đó chèo thuyền đến một đảo xa, mới tới đường lên trời. Còn các dòng họ khác, hầu hết xuôi theo dòng sông Mã, sông Chu, đến ngã Ba

Bông, Hàm Rồng, rồi ra biển để lên trời qua núi đá nhấp nhô hùng vĩ. Bởi vậy, các bài mo của người Thái ở Thanh Hóa kể về đường mà linh hồn người chết lên trời là những áng văn miêu tả cảnh quan địa lý, vừa gọi lên nguồn gốc tổ tiên quê cũ và con đường thiên di đến nơi cư trú của người Thái nơi đây.

Một vài nhận xét

Những biểu hiện riêng biệt trong văn hóa truyền thống của người Thái ở Thanh Hóa qua so sánh với người đồng tộc ở Tây Bắc tuy chưa đầy đủ nhưng đã góp phần tư liệu làm sáng tỏ hơn một vài lĩnh vực cần được quan tâm khi nghiên cứu về người Thái ở Thanh Hóa.

Qua kết quả nghiên cứu cũng như những biểu hiện trong cuộc sống, văn hóa truyền thống của người Thái ở Thanh Hóa mang tính thống nhất cao, song, cũng thể hiện được sự đa dạng của một vùng văn hóa Thái có nét riêng của địa phương.

Những khác biệt trong văn hóa truyền thống giữa người Thái ở Thanh Hóa với người Thái, nhất là Thái Đen ở Tây Bắc đã cho thấy được ý nghĩa to lớn của môi trường tự nhiên và xã hội đối với việc hình thành các sắc thái văn hóa giữa các vùng người Thái ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Vương Anh (2001), *Tiếp cận văn hóa bản Thái xứ Thanh*, Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa xuất bản.
2. Ngô Đức Thịnh, Chăm Trọng (sưu tầm, dịch, chú giải và giới thiệu) (1999), *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Chăm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên) (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.